|  |  |
| --- | --- |
| HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM  HỘI NÔNG DÂN TỈNH NGHỆ AN  BCH HỘI NÔNG DÂN……….  \*  Số - BC/HNDT | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  *……….., ngày tháng năm 202..* |

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tổng kết công tác Hội và phong trào nông dân năm 202…

Phương hướng, nhiệm vụ năm 202….

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ CÔNG TÁC HỘI VÀ PHONG TRÀO NÔNG DÂN

|  |
| --- |
| **A- TÌNH HÌNH NÔNG DÂN, NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN** |

*****I- Tình hình nông dân*****

***II- Tình hình sản xuất nông nghiệp***

***III- Tình hình nông thôn***

**B- KẾT QUẢ CÔNG TÁC HỘI VÀ PHONG TRÀO NÔNG DÂNNĂM 202….**

**I- Xây dựng Hội và giai cấp nông dân Việt Nam trong sạch, vững mạnh**

***1- Về công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng***

- Tuyên truyền, phổ biến về chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

**-** Tuyên truyền, cổ động các ngày kỷ niệm, sự kiện chính trị trọng đại của đất nước, của Hội Nông dân Việt Nam.

**- Việc tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên, nông dân** triển khai phòng chống dịch bệnh trên người và vật nuôi ở địa phương.

**- Nội dung, hình thức tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng đối với cán bộ, hội viên, nông dân.**

**- Những mô hình, điển hình về việc đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, vận động hội viên, nông dân.**

**- Những kết quả nổi bật và kinh nghiệm.**

*2- Công tác xây dựng, củng cố tổ chức Hội*

- Về thực hiện các nghị quyết, đề án liên quan đến công tác xây dựng Hội, trọng tâm là các Nghị quyết số 04, 05, 06 của **BCH Trung ương Hội khóa VII.**

- Đổi mới nội dung, phương thức sinh hoạt chi, tổ Hội gắn với công tác phát triển và nâng cao chất lượng hội viên.

- Công tác phát triển hội viên. Việc giới thiệu hội viên ưu tú cho Đảng xem xét kết nạp vào Đảng:

- Kết quả thành lập và hiệu quả hoạt động của các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp.

- Xây dựng quỹ Hội.

- Công tác tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội: Số lớp, số lượng người tham gia, đối tương được tập huấn.

- Thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ Hội các cấp.

*****3- Công tác kiểm tra, giám sát*****

- Kết quả hoạt động của Ủy ban Kiểm tra các cấp ở địa phương.

- Kết quả kiểm tra, giám sát:

+ Số cuộc kiểm tra, giám sát.

+ Nội dung kiểm tra, giám sát.

+ Số vụ có vi phạm được phát hiện. (*nêu cụ thể nếu có*).

+ Số vụ việc phải xử lý kỷ luật *(nêu rõ các hình thức kỷ luật nếu có).*

***4- Công tác Thi đua, khen thưởng***

**- Việc tổ chức phát động phong trào thi đua.**

**- Kết quả công tác thi đua, khen thưởng.**

*5- Xây dựng giai cấp nông dân và người nông dân thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*

- Kết quả **vận động, hướng dẫn nông dân tiếp cận với sản xuất nông nghiệp** áp dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ nano vào sản xuất.

- Công tác đào tạo nghềcho nông dân, chủ trang trại, gia trạiứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông sản hàng hóa.

- Tuyên truyền, vận độnghội viên, nông dân xây dựng lối sống lành mạnh,có lòng yêu nước, có tinh thần tự lực, tự cường, có ý thức trách nhiệm tập thể…

II- Vận động nông dân phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và giảm nghèo bền vững

***1- Đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả Phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững***

- Lãnh đao, chỉ đạo triển khai.

- Kết quả đăng ký và thực hiện chỉ tiêu hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi.

- Những gương nông dân, những mô hình liên kết, hợp tác trong sản xuất, kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Kết quả vận động hội viên giúp nhau vượt qua khó khăn, thoát nghèo và vươn lên làm giàu.

*2- Xây dựng, phát triển các mô hình kinh tế có hiệu quả và vận động, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân tham gia phát triển các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp*

- Phối hợp với các doanh nghiệp, nhà khoa học, ngân hàng hướng dẫn, hỗ trợ nông dân xây dựng các mô hình phát triển nông nghiệp bền vững, ứng dụng công nghệ cao, gắn sản xuất, kinh doanh nông nghiệp với du lịch nông thôn.

- Kết quả thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm;

- Kết quả vận động, hướng dẫn nông dân thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã. Hiệu quả hoạt động của các tổ hợp tác, hợp tác xã do Hội hướng dẫn.

*****3- Vận động nông dân tích cực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh***** *và bảo vệ môi trường*

- Kết quả vận động nông dân trực tiếp và phối hợp tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn.

- Kết quả triển khai thực hiện xây dựng “ Vườn chuẩn nông thôn mới”, “ Vườn mẫu nông dân”;

- Kết quả xây dựng “Hàng cây nông dân ơn Bác”.

- Kết quả triển khai chương trình “Một triệu cây xanh, nông dân Nghệ An đời đời ơn Bác” giai đoạn 2021-2023.

- Tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường….

**- Tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường nông thôn và ứng phó với biến đổi khí hậu. Kết quả x**ây dựng các mô hình bảo vệ môi trường trong sản xuất, xử lý chất thải trong sinh hoạt ở địa bàn nông thôn.

- Kết quả vận động hội viên, nông dân xây dựng gia đình văn hóa, tham gia xây dựng thôn, bản, làng, xã văn hóa.

- Tham gia thực hiện các chương trình mục tiêu về y tế, giáo dục, an toàn giao thông, an toàn lao động, vệ sinh, an toàn thực phẩm, bình đẳng giới, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc, giáo dục trẻ em…

*4- Đổi mới và nâng cao hiệu quả các hoạt động tư vấn, hỗ trợ, dịch vụ, đào tạo nghềcho nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh*

*4.1. Hỗ trợ vốn cho nông dân*

- Kết quả phát triển nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân; hiệu quả sử dụng vốn.

- Kết quả phối hợp với Ngân hàng Chính sách- Xã hội và Ngân hàng NN&PTNT, tạo điều kiện cho nông dân vay vốn.

- Kết quả phối hợp với các Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh, thành phố.

*4.2. Tổ chức đào tạo nghề cho nông dân*

- Việc đổi mới nội dung, hình thức đào tạo nghề cho nông dân.

- Kết quả đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho nông dân.

*4.3. Hoạt động cung ứng vật tư, thiết bị nông nghiệp*

- Kết quả cung ứng vật tư đầu vào cho nông dân (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, máy nông nghiệp...).

- Vận động, hướng dẫn, giới thiệu, hỗ trợ nông hộ xây dựng nhà lưới, nhà kính, nhà màng và hệ thống tưới nhỏ giọt trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. (nếu có)

*4.4. Hỗ trợ hội viên, nông dân tiếp cận tiến bộ khoa học, công nghệ*

- Tổ chức tập huấn, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao cho nông dân.

- Hỗ trợ, hướng dẫn xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng khoa học, công nghệ mới theo chuỗi giá trị đạt tiêu chuẩn chất lượng Vietgap, Globalgap.

**- T**ập huấn, hướng dẫn nông dân sử dụng và truy cập mạng Internet để phục vụ sản xuất, kinh doanh.

*4.5. Hỗ trợ hội viên, nông dân quảng bá và tiêu thụ sản phẩm*

- Những mô hình, cách làm sáng tạo để quảng bá và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

- Hỗ trợ nông dân xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu, thương hiệu nông sản.

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, liên kết, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản.

*4.6- Kết quả hỗ trợ nông dân khởi nghiệp.*

*4.7. Kết quả công tác tư vấn, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý cho nông dân.*

III- Tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch vững mạnh phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong phát triển nông nghiệp và nông thôn

*1- Tham gia xây dựng Đảng; xây dựng chính quyền, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc*

IV- Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

*1- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên, nông dân về tình hình, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của đất nước*

*2- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình phối hợp của Hội Nông dân Việt Nam trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh*

*3- Thực hiện chính sách “Hậu phương quân đội”; các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”.*

V- Công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế (nếu có)

*1- Công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại*

*2- Mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác quốc tế, khai thác nguồn lực triển khai các chương trình, dự án*

*3- Tổ chức cho cán bộ, hội viên, nông dân đi nghiên cứu, học tập, lao động, quảng bá nông sản ở trong và ngoài nước*

C- Đánh giá chung

*1- Những kết quả nổi bật*

*2- Những hạn chế, yếu kém (cần đánh giá cụ thể )*

***3- Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém.***

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC HỘI

VÀ PHONG TRÀO NÔNG DÂN NĂM 202..

**A- PHƯƠNG HƯỚNG, CHỈ TIÊU**

I- Phương hướng

****II- Các**** chỉ tiêu cụ thể

****B- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP****

I- Xây dựng tổ chức Hội và giai cấp nông dân Việt Nam trong sạch, vững mạnh

*****1- Thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng;***** *tuyên truyền xây dựng năng lực, niềm tin, tự lực, tự cường trong sản xuất và tiêu thụ nông sản cho nông dân*

###### ***2- Tiếp tục tập trung thực hiện tốt các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng gắn với triển khai thực hiện các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Hội khóa VII***

*3- Công tác xây dựng, củng cố tổ chức Hội*

*4- Công tác kiểm tra, giám sát*

***5- Công tác thi đua, khen thưởng***

II- Vận động nông dân phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và giảm nghèo bền vững

*1- Đẩy mạnh việc vận động nông dân thực hiện có hiệu quả Phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững*

*2- Xây dựng, phát triển các mô hình kinh tế có hiệu quả và vận động, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân tham gia phát triển các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp và xây dựng, phát triển các mô hình chi, tổ Hội nghề nghiệp.*

*3- Vận động nông dân tích cực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và bảo vệ môi trường*

*4- Tổ chức tốt các hoạt độngtư vấn, hỗ trợ, dịch vụ, đào tạo nghềcho nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh*

III- Tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch vững mạnh phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong phát triển nông nghiệp và nông thôn

IV- Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

V- Tăng cường công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế

\* ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Những kiến nghị, đề xuất với Đảng, Nhà nước và Trung ương Hội*(nếu có).*

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận: | T/M BAN THƯỜNG VỤ  *(Ký tên và đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM  HỘI NÔNG DÂN TỈNH NGHỆ AN  BCH HỘI NÔNG DÂN HUYỆN….  \* | | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  *………..ngày tháng năm 202* | |

BIỂU SỐ LIỆU

Kết quả công tác Hội và phong trào nông dân năm 202..

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | CHỈ TIÊU | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾT QUẢ THỰC HIỆN | GHI CHÚ |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* |
| I | XÂY DỰNG TỔ CHỨC HỘI VÀ GIAI CẤP NÔNG DÂN VIỆT NAM TRONG SẠCH VỮNG MẠNH | | | |
| 1 | Công tác Tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng: | | | |
| 1.1 | - Số buổi tuyên truyền | Buổi |  |  |
|  | - Số hội viên, nông dân tham gia | lượt người |  |  |
| 1.2 | - Số chi Hội có Báo Nông thôn ngày nay | chi Hội |  |  |
| 2 | Công tác xây dựng, củng cố tổ chức Hội: |  |  |  |
| 2.1 | - Tổng số hội viên | hội viên |  |  |
|  | - Kết nạp hội viên mới | hội viên |  |  |
|  | - Số hội viên được kết nạp Đảng | hội viên |  |  |
| 2.2 | - Tổng số chi hội | Chi hội |  |  |
| 2.3 | Xây dựng Quỹ Hội |  |  |  |
|  | - Số chi Hội có Quỹ Hội | chi Hội |  |  |
|  | - Tổng số Quỹ Hội | Triệu đồng |  |  |
| 2.4 | Đào tạo cán bộ, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội |  |  |  |
|  | - Số cán bộ Hội chuyên trách được đi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao trình độ | Người |  |  |
|  | - Hội trực tiếp mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội | lớp |  |  |
|  | Lựơt cán bộ dự học | Lượt người |  |  |
|  | - Hội phối hợp mở lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ khác | lớp |  |  |
|  | Lượt cán bộ dự học | Lượt người |  |  |
| 3. | Công tác Kiểm tra, giám sát |  |  |  |
| 3.1 | - Tổng số cuộc kiểm tra | Cuộc |  |  |
|  | - Số vụ vi phạm | Vụ |  |  |
|  | - Số vụ đã được xử lý | Vụ |  |  |
|  | ...... |  |  |  |
| 3.2 | Tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý: |  |  |  |
|  | - Số buổi | Buổi |  |  |
|  | - Số lượt người | Lượt người |  |  |
| 3.3 | Tham gia giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo |  |  |  |
|  | - Số đơn thư gửi đến Hội | đơn |  |  |
|  | - Số đơn thư phối hợp giải quyết | đơn |  |  |
|  | - Số vụ Hội trực tiếp hòa giải thành | vụ |  |  |
| 3.4 | Phối hợp tổ chức đối thoại giữa cấp ủy, chính quyền với nông dân |  |  |  |
|  | - Số cuộc được tổ chức: | Cuộc |  |  |
|  | + Số cuộc HND tỉnh tổ chức | Cuộc |  |  |
|  | + Số cuộc HND cấp huyện tổ chức | Cuộc |  |  |
|  | + Số cuộc HND cấp xã tổ chức | Cuộc |  |  |
| II | VẬN ĐỘNG NÔNG DÂN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, ĐÔ THỊ VĂN MINH VÀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG | | | |
| 1 | Phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững | | | |
| 1.1 | - Số hộ nông dân đăng ký phấn đấu SXKD giỏi các cấp | hộ |  |  |
| 1.2 | - Số hộ nông dân đạt danh hiệu SXKD giỏi các cấp | hộ |  |  |
| 1.3 | Kết quả vận động hội viên giúp nhau vượt khó, thoát nghèo: | | | |
|  | - Tổng số tiền quyên góp, hỗ trợ | Triệu đồng |  |  |
|  | - Tổng số ngày công | Ngày |  |  |
|  | - Số vật tư (cây, con giống), lương thực... giúp đỡ hỗ trợ, tính giá trị thành tiền | Triệu đồng |  |  |
|  | - Số hộ được Hội trực tiếp giúp đỡ thoát nghèo | hộ |  |  |
| 2 | Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ, dịch vụ, dạy nghề cho nông dân phát triển sản xuất | | | |
| 2.1 | Nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân (Quỹ HTND) |  |  |  |
|  | - Tổng nguồn vốn Quỹ HTND của Trung ương Hội ủy thác (*tính đến thời điểm báo cáo*). | Triệu đồng |  |  |
|  | - Tổng nguồn vốn Quỹ HTND cấp tỉnh (*tính đến thời điểm báo cáo*). | Triệu đồng |  |  |
|  | - Số tiền Quỹ HTND cấp tỉnh tăng trưởng (*trong năm).* | Triệu đồng |  |  |
|  | - Tổng nguồn vốn Quỹ HTND cấp huyện (*tính đến thời điểm báo cáo*). | Triệu đồng |  |  |
|  | - Số tiền Quỹ HTND cấp huyện tăng trưởng (*trong năm)* | Triệu đồng |  |  |
|  | - Số mô hình, dự án được vay vốn Quỹ HTND | Dự án |  |  |
|  | - Số lượt hộ được vay vốn Quỹ HTND | hộ |  |  |
| 2.2 | Kết quả phối hợp với các Ngân hàng *(tính đến thời điểm báo cáo)* | | | |
| a | - Số tiền được vay qua NH chính sách XH | Tỷ đồng |  |  |
|  | - Số hộ được vay qua NH chính sách XH | Hộ |  |  |
| b | - Số tiền được vay qua NH Nông nghiệp | Tỷ đồng |  |  |
|  | - Số hộ được vay qua NH Nông nghiệp | Hộ |  |  |
| c | - Số tiền vay qua các Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác | Tỷ đồng |  |  |
|  | - Số hộ vay qua các Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác | Hộ |  |  |
| 2.3 | Tổ chức đào tạo nghề cho nông dân |  |  |  |
|  | - Số lớp Hội trực tiếp đào tạo | Lớp |  |  |
|  | Số người được đào tạo | Người |  |  |
|  | - Số lớp Hội phối hợp đào tạo | Lớp |  |  |
|  | Số người được đào tạo | Người |  |  |
|  | - Số nông dân sau đào tạo nghề có việc làm | Người |  |  |
| 2.4 | Hỗ trợ nông dân tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật |  |  |  |
|  | - Tổ chức các buổi tư vấn, tập huấn KHKT | Buổi |  |  |
|  | - Số hội viên, nông dân tham dự | Người |  |  |
|  | - Số mô hình SX nông nghiệp theo chuỗi giá trị được Hội hỗ trợ, hướng dẫn xây dựng | Mô hình |  |  |
|  | - Tổ chức hội chợ quảng bá, xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp | Cuộc |  |  |
| 2.5 | Phối hợp cung ứng vật tư đầu vào hỗ trợ nông dân sản xuất |  |  |  |
| a | Số lượng phân bón | Tấn |  |  |
|  | - Trị giá thành tiền | Triệu đồng |  |  |
| b | Số lượng giống | Tấn |  |  |
|  | - Trị giá thành tiền | Triệu đồng |  |  |
| c | Số lượng thuốc BVTV | Tấn |  |  |
|  | - Trị giá thành tiền | Triệu đồng |  |  |
| d | Số lượng thức ăn chăn nuôi | Tấn |  |  |
|  | - Trị giá thành tiền | Triệu đồng |  |  |
| e | Số lượng máy nông nghiệp | Máy |  |  |
|  | - Trị giá thành tiền | Triệu đồng |  |  |
| 3 | Vận động nông dân tham gia phát triển các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp | | | |
| 3.1 | Vận động, hướng dẫn thành lập mới HTX |  |  |  |
|  | - Số Hợp tác xã do HND vận động, hướng dẫn thành lập mới (*trong năm*) | HTX |  |  |
|  | - Số thành viên HTX | Người |  |  |
| 3.2 | Vận động, hướng dẫn thành lập mới THT |  |  |  |
|  | - Số Tổ hợp tác do HND vận động, hướng dẫn thành lập mới (*trong năm*) | THT |  |  |
|  | - Số thành viên THT | Người |  |  |
| 3.3 | Thành lập Chi hội nông dân nghề nghiệp |  |  |  |
|  | - Số Chi hội nông dân nghề nghiệpđược thành lập mới (*trong năm)* | chi Hội |  |  |
|  | - Số hội viên tham gia | Người |  |  |
| 3.4 | Thành lập tổ Hội Nông dân nghề nghiệp |  |  |  |
|  | - Số tổ Hội Nông dân nghề nghiệp được thành lập mới (*trong năm)* | tổ Hội |  |  |
|  | - Số hội viên tham gia | Người |  |  |
| 4 | Vận động nông dân thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới và bảo vệ môi trường | | | |
| 4.1 | - Tổng số hộ nông dân đăng ký xây dựng gia đình văn hóa | hộ |  |  |
|  | - Số hộ nông dân đạt danh hiệu gia đình văn hóa | hộ |  |  |
| 4.2 | Vận động nông dân tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn | | | |
|  | - Tổng số tiền do nông dân đóng góp | triệu đồng |  |  |
|  | - Tổng số ngày công lao động | công |  |  |
|  | - Diện tích đất đã hiến | m2 |  |  |
|  | - Tổng số Hàng cây nông dân ơn Bác | m2 |  |  |
|  | + Chiều dài hàng cây | km |  |  |
|  | - Số cơ sở triển khai được Chương trình 1 triêu cây xanh.. | Cơ sở |  |  |
|  | + Số cây đã trồng được | cây |  |  |
|  | - Số vườn mẫu, vườn đẹp do hội xây dựng/năm | Vườn |  |  |
| 4.3 | Vận động hội viên nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn | | | |
|  | - Số hộ hội viên nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản đăng ký, cam kết đảm bảo đảm an toàn VSTP | Hộ |  |  |
|  | - Số hộ hội viên nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản được công nhận đảm bảo đảm an toàn VSTP | Hộ |  |  |
| 4.4 | Vận động nông dân tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế | | | |
|  | - Số hội viên tham gia đóng bảo hiểm y tế | Hội viên |  |  |
|  | - Số hội viên tham gia đóng bảo hiểm y tế | Hội viên |  |  |
| 4.5 | Hướng dẫn xây dựng mô hình Hội Nông dân tham gia bảo vệ môi trường nông thôn | | | |
|  | - Số mô hình bảo vệ môi trường nông thôn | Mô hình |  |  |
| III | THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUỐC PHÒNG, AN NINH | | | |
| 1 | Thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc | | | |
| 1.1 | - Số buổi Hội tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho hội viên nông dân về nhiệm vụ QP - AN | Buổi |  |  |
|  | - Số người tham dự | Lượt người |  |  |
| 1.2 | - Tổng số mô hình tự quản về an ninh, trật tự do HND vận động, hướng dẫn thành lập (*trong năm)* | Mô hình |  |  |
| 1.3 | Thực hiện chính sách hậu phương quân đội, công tác đền ơn đáp nghĩa | | | |
|  | - Số gia đình chính sách được thăm hỏi | Hộ |  |  |
|  | - Số quà tặng trị giá thành tiền | triệu đồng |  |  |
|  | - Hội vận động xây dựng nhà tình nghĩa | nhà |  |  |
|  | - Giá trị thành tiền | triệu đồng |  |  |